12:55 G10-4-1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4. | Date: 2026.08.24. | Board: 1.

WHITE: Fu Yinuo. | FED: | RESULT (W): 1

BLACK: Tselmuun Tuvshinbayar | FED: | RESULT (B): 0.

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qa3.	Qc8.	41	Nf7	Ke7	61	Nf4	c6.
2	c4.	e6.	22	Ra1.	Bb5.	42	Kd2	Na5.	62	Nd1.	Ke7.
3	Nf3.	Bb4+.	23	Bf1.	Bf1	43	Kc3	N24.	63	Nc1.	Kf7.
4	Bd2	Qe7	24	Kf1	g6.	44	Kd3.		64	Nb3	Ke7.
5	g3	0-0	25	Qa4.	Qe8.	45	e4.	Nb4+.	65	Na5.	Kd7.
6	Bg2.	d5.	26	Ra3.	Rb4.	46	Kc3.	Nc4.	66	Nb7.	Ng7.
7	0-0.	Bb2	27	Qa8.	Rb8.	47	Kd3.	Kd7	67	Nd6	Nh5.
8	Nbd2	b6.	28	QaG.	Nb4.	48	e5	f2.	68	Ke3.	Ng3.
9	Qc2	Bb7.	29	Qa5.	Qc8.	49	f2.	Nb2	69	Kf2.	Nh5.
10	Rac1.	Rc8.	30	Ne5	Nd7	50	Kc3.	Nc4.	70	Kf3	Ke7
11	c5	Nc6	31	Nd7	Qd7	51	Nb5	b5.	71	Kg4.	Ng7.
12	Qc3	a5	32	Rb3.	Qb5+	52	a4	b0.	72	Kg5	Kf8.
13	a3.	Nd7	33	Qb5	Rb5.	53	h6.	Ne3	73	Kf6	Nh5+
14	b4.	ab.	34	Nf3.	Rb8	54	Nf4	Nf5.	74	Ke6.	Nf4+
15	ab.	Ba6	35	Ne5	Nc6	55	Ne5	Nd4.	76	Kd7.	Ne7.
16	Rfe1.	bc.	36	Rb3.	Nb8.	56	Nf6	Kc6	76	e6.	
17	bc.	Nf6.	37	Ke2	f6.	57	Nh7	Kd7.	77		
18	e3.	Rb8.	38	Ng4.	Kg7	58	Kd3	Nf5+	78		
19	Rb1.	Qe6.	39	f3.	Nc6.	59	Nf8+	Ke7	79		
20	Rb8	Rb8	40	f4	Kf7.	60	Ng6+	Kf7	80		

SIGNATURE (WHITE): Fu Yinuo | SIGNATURE (BLACK): | SIGNATURE (ARBITER):

12:55 G10-4-1

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 2026.8.24 | Board: 1

WHITE: Fu Yinuo | FED: CHN | RESULT (W): 1

BLACK: Tselmuun Tuvshinbayar | FED: MGL | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qa3	Qc8	41	Nf2	Ke7	61	Nf4	c6
2	d4	e6	22	Ra1	Bb5	42	Kd2	Na5	62	Ne2	Ke7
3	Nf3	Bb4	23	Bf1	Bf1	43	Kc3	Nc4	63	No1	Kf7
4	Bd2	Qe7	24	Kf1	g6	44	Kd3	h5	64	Nb3	Ke7
5	g3	0-0	25	Qa4	Qe6	45	e4	Nb2	65	Na5	Kd7
6	Bg2	d5	26	Ra3	Rb4	46	Kc3	Nc4	66	Nb7	Ng7
7	0-0	Bb2	27	Qa6	Rb8	47	Kd3	Kd7	67	Nd6	Nh5
8	Nbd2	b6	28	Qa6	Nb4	48	e5	fge	68	Ke3	Ng3
9	Qc2	Bb7	29	Qa5	Qc8	49	fge	Nb2	69	Kf2	Nh5
10	Rac1	Rc6	30	Ne5	Nd7	50	Kc3	Nc4	70	Kf3	Kd7
11	c5	Nc6	31	Nd7	Qd7	51	Nd3	g5	71	Kg4	Ng7
12	Qc3	a5	32	Rb3	Qb5	52	h4	gh	72	Kg5	Kf8
13	a3	Nd7	33	Qb5	Rb5	53	gh	Ne3	73	Kf6	Nh5
14	b4	ab	34	Nf3	Rb8	54	Nf4	Nf5	74	Ke6	Nf4
15	ab	Ba6	35	Ne5	Nc6	55	Nh5	Nh4	75	Kd7	Ne2
16	Rfe1	bc	36	Rb8	Nb8	56	Nf6	Kg6	76	e6	
17	bc	Nf6	37	Ke2	f6	57	Nh7	Kg7	77		
18	e3	Rfb8	38	Ng4	Kg7	58	Kd3	Nf5	78		
19	Rb1	Qe6	39	f3	Nc6	59	Nf8	Ke7	79		
20	Rb4	Rb8	40	f4	Kf7	60	Ng6	Kf7	80		

SIGNATURE (WHITE): Fu Yinuo | SIGNATURE (BLACK): | SIGNATURE (ARBITER):

扫描全能王 3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 08/24/26 | Board: 2

WHITE: Gerelt-ayu Tsogtgerel | FED: Mgl | RESULT (W): 1
BLACK: Empress Anika B. Caole | FED: Phi | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Rfe1	Rac8	41	Rd8	Qd8	61		
2	d4	Nf6	22	Ne5	Rfe8	42	Qg4#		62		
3	Nc3	g6	23	Rd2	Qb5	43			63		
4	f4	Bg7	24	Nd7	Rxd7	44			64		
5	Qf3 Nf8	Bg5 Qg	25	Red1	Rd4	45			65		
6	Bd7 Bg5	05 Bxd7	26	Qg1	Qb4	46			66		
7	E5	Ng8	27	h3	Rc6	47			67		
8	Bxd7+	Nxd7	28	Qg3	Qe4	48			68		
9	Be3	Qd4	29	h4	Rdd6	49			69		
10	Bxd4	dxe5	30	g3	Rxd1	50			70		
11	fxe5	e6	31	Rxd2	Rc8	51			71		
12	Qd8	a6	32	Kf2	b5	52			72		
13	Ne4	Bf8	33	Kb2	a5	53			73		
14	O-O-O	Nh6	34	h6	a4	54			74		
15	Raf1	Nf5	35	g5	axb3	55			75		
16	g4	Nd4	36	Bxb3	B4	56			76		
17	Qxd4	Be7	37	Qc7	Qa8	57			77		
18	Nd6+	Bxd6	38	Qe5	Rxd2	58			78		
19	exd6	O-O	39	Kxd2	Qe8+	59			79		
20	Kb1	Qa5	40	Kb2	Qf8	60			80		

3xd6

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G/10 | Round: 4 | Date: 2026.08.24 | Board: 2

WHITE: Gerelt-Ayu. Tsogtgerel | FED: MGL | RESULT (W): 1
BLACK: ~~Fay~~ Caole Empress Anika | FED: PHI | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Rfe1.	Rac8.	41	Rd8	Qd8	61		
2	d4	Nf6.	22	Ne5	Rfd8.	42	qg4#		62		
3	Nc3	g6	23	Rd2	Qb5.	43			63		
4	f4	Bg7.	24	Nd3.	Rd7.	44			64		
5	Nf3	c5.	25	Red1	Rc4.	45			65		
6	Bb5.	Bd7.	26	Qg1	Qb4.	46			66		
7	e5.	Ng8.	27	h3.	Rc6	47			67		
8	Bd7	Nd7.	28	Qg3.	Qe4.	48			68		
9	Be3	cd.	29	h4.	Rdd6.	49			69		
10	Bd4	dc	30	b3.	Rd7.	50			70		
11	R.	e6	31	Rd1.	Rc8	51			71		
12	Qd3	a6.	32	h5	b5.	52			72		
13	Ne4.	Bf8.	33	Kb2.	a5.	53			73		
14	0-0-0	Nh6.	34	h6.	a4.	54			74		
15	Raf1	Nf5	35	g5.	ab.	55			75		
16	g4.	Nd4.	36	ab	b4	56			76		
17	Qd4.	Be7.	37	Qc7.	Qa8.	57			77		
18	Nd6.	Bd6.	38	Qe5.	Rd2.	58			78		
19	ed	0-0	39	Kc2.	Qc8	59			79		
20	Kb1	Qa5.	40	Kb2	Qf8'	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

10:25 G10-4-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 2026.8.24 | Board: 3

WHITE: Namuun, Bayarkhuu | FED: MGL | RESULT (W): 1

BLACK: Zhao, Meiyin | FED: CHN | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rd8+	Qd8	41			61		
2	d4	d5	22	fe	Qe7	42			62		
3	Bd3	de	23	e6	fe	43			63		
4	Be4	Nf6	24	Qe6+	Qe7	44			64		
5	Bf3	c5	25	Qc8+	Qd8	45			65		
6	Ne2	Nc6	26	Re1+	Kf7	46			66		
7	Be3	cd	27	Qe6+	Kf8	47			67		
8	Nd4	Ne5	28	Rf1+	Qf6	48			68		
9	0-0	a6	29	Rxf6+	gf	49			69		
10	Nc3	Be7	30	Qxf6+	Kg8	50			70		
11	Qe2	Nf3+	31	Qd8+	Kg7	51			71		
12	Qxf3	e5	32	Qc7+	Kg6	52			72		
13	Nf5	Bxf5	33	Qb7	Rh7	53			73		
14	Qxf5	Qc7	34	Qxa6+	Kg7	54			74		
15	Bg5	h6	35	c4	Rh6	55			75		
16	Bxf6	Bxf6	36	Qxh6+	Kxh6	56			76		
17	Rad1	h5	37	c5		57			77		
18	Nd5	Qc6	38			58			78		
19	f4	Rd8	39			59			79		
20	Nxf6+	Qxf6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK): Zhao, Meiyin | SIGNATURE (ARBITER)

10:25 G10-4-3

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 8.24 | Board: 3

WHITE: Namuun, Bayarkhuu | FED: MGL | RESULT (W): 1

BLACK: Zhao, Meiyin | FED: CHN | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rxd8+	Qxd8	41			61		
2	d4	d5	22	fe	Qc7	42			62		
3	Bd3	de	23	e6	fe	43			63		
4	Bxe4	Nf6	24	Qxe6+	Qe7	44			64		
5	Bf3	c5	25	Qc8+	Qd8	45			65		
6	Ne2	Nc6	26	Re1+	Kf7	46			66		
7	Be3	cd	27	Qe6+	Kf8	47			67		
8	Nxd4	Ne5	28	Rf1+	Qf6	48			68		
9	0-0	a6	29	Rxf6+	gf	49			69		
10	Nc3	Be7	30	Qxf6+	Kg8	50			70		
11	Qe2	Nxf3+	31	Qd8+	Kg7	51			71		
12	Qxf3	e5	32	Qc7+	Kg6	52			72		
13	Nf5	Bxf5	33	Qxb7	Rh7	53			73		
14	Qxf5	Qc7	34	Qxa6+	Kg7	54			74		
15	Bg5	h6	35	c4	Rh6	55			75		
16	Bxf6	Bxf6	36	Qxh6+	Kxh6	56			76		
17	Rad1	h5	37	c5		57			77		
18	Nd5	Qc6	38			58			78		
19	f4	Rd8	39			59			79		
20	Nxf6+	Qxf6	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK): Zhao, Meiyin | SIGNATURE (ARBITER)

扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

11:20 G10-4-4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 8/24 | Board: 4

WHITE: Zaidani, Nasaybah Annayla | FED: MAS | RESULT (W): 1
BLACK: Xu, yutong | FED: CHN | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	e6.	21	Qf3.	Qb5.	41			61		
2	d4.	d5.	22	~~Qg3.~~	Ba6.	42			62		
3	Nd2.	c5	23	Rc7	Rf7.	43			63		
4	Nf3,	Nc6.	24	Rfc1.	Rbf8.	44			64		
5	c3.	cd.	25	~~Bf1.~~	Qf5.	45			65		
6	cd.	de.	26	Bg7.	Rc7.	46			66		
7	Ne4.	Nf6.	27	~~Bf8.~~	Kf8.	47			67		
8	Nf6.	Qf6.	28	Qc7.	Ke8.	48			68		
9	d3.	h6.	29	Qb8	Kf7.	49			69		
10	Bd3.	Bd6.	30	Rc7.	Kg6.	50			70		
11	0-0.	0-0.	31	Qg8.	Kf5.	51			71		
12	~~b4.~~	Kh8.	32	~~Rg4.~~	Qg4	52			72		
13	Bb2	Qd8.	33	Qg4#		53			73		
14	Qd2.	Bc7	34			54			74		
15	d5.	Kg8.	35			55			75		
16	dc,	bc.	36			56			76		
17	Qc3.	f6,	37			57			77		
18	Qab.	Rd8.	38			58			78		
19	Rac1	Bh2	39			59			79		
20	Nh2,	~~Qd3.~~	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

11:20 G10-4-4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 24/8/26 | Board: 4

WHITE: Nusaybah Annayla | FED: MAS | RESULT (W): 1
BLACK: Xu Yutong | FED: CHN | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qf3	Qb5	41			61		
2	d4	d5	22	Qg3	Ba6	42			62		
3	Nd2	c5	23	Rc7	Rf7	43			63		
4	Nf3	Nc6	24	Rfc1	R~~b~~bf8	44			64		
5	c3	cxd4	25	Bxf6	Qf5	45			65		
6	cxd4	dxe4	26	Bxg7	Rxc7	46			66		
7	Nxe4	Nf6	27	Bxf8	Kxf8	47			67		
8	Nxf6	Qxf6	28	dxf8	Ke8	48			68		
9	a3	h6	29	a6+	Ke7	49			69		
10	Bd3	Bd6	30	Rc7+	Kg6	50			70		
11	0-0	0-0	31	Qg8+	Kh5	51			71		
12	b4	Kh8	32	g4+	Qxg4	52			72		
13	Bb2	Qd8	33	Qxg4#		53			73		
14	Qd2	Bc7	34			54			74		
15	d5	Kg8	35			55			75		
16	dxc6	bxc6	36			56			76		
17	Qc3	f6	37			57			77		
18	Qxc6	Rb8	38			58			78		
19	Rac1	Bxh2+	39			59			79		
20	Nxh2	Qxd3	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

10:45 G10-4-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 8.24 | Board: 5

WHITE	FED	RESULT (W)
H. Minjbiiig	MGL	0.5
BLACK	**FED**	**RESULT (B)**
Pan, Yitong	CHN	0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bc5	Bc5	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qc5	Ne5	42			62		
3	d4	cd	23	Qb6	Nc6	43			63		
4	Nd4	g6	24	Bg4	Qc8	44			64		
5	c4	Bg7	25	Bd7	Rd7	45			65		
6	Be3	Nf6	26	Nb4	Rd1	46			66		
7	Nc3	0-0	27	Rd1	Nb4	47			67		
8	Be2	d6	28	Qb4	Qc2	48			68		
9	0-0	Bd7	29	Qd2	Qc5	49			69		
10	Qd2	Ne5	30	Qf2	Qh5	50			70		
11	f3	Rc8	31	Re1	Re1	51			71		
12	b3	a6	32	Qe1	Qc5	52			72		
13	Rac1	Re8	33	Qf2	Qc1	53			73		
14	Rad1	ed6	34	Qf1	Qc5	54			74		
15	Nc2	Bf8	35	Qf2	Qc1	55			75		
16	c5	dc	36	Qf1		56			76		
17	f4	Nc6	37	0.5	0.5	57			77		
18	e5	Nd5	38			58			78		
19	Nd5	ed	39			59			79		
20	Qd5	Rc7	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): H. Hunmandunii | SIGNATURE (BLACK): Pan.Yitong | SIGNATURE (ARBITER): Su

10:45 G10-4-5

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 2026 Oct 8-24 | Board: 1/2-1/2

WHITE	FED	RESULT (W)
H. Minjbiiig	MGL	1/2
BLACK	**FED**	**RESULT (B)**
Pan Yitong	CHN	1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bc5	Bc5	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Qc5	Ne5	42			62		
3	d4	cd	23	Qb6	Nc6	43			63		
4	Nd4	g6	24	Bg4	Qc8	44			64		
5	c4	Bg7	25	Bf7	Rd7	45			65		
6	Bc3	Nf6	26	Nb4	Rd1	46			66		
7	Nc3	0-0	27	Rd1	Nb4	47			67		
8	Be2	d6	28	Qb4	Qc2	48			68		
9	0-0	Bd7	29	Qd2	Qc5	49			69		
10	Qd2	Ne5	30	Qf2	Qh5	50			70		
11	f3	Rc8	31	Re1	Re1	51			71		
12	b3	a6	32	Qe1	Qc5	52			72		
13	Rac1	Re8	33	Qf2	Qc1	53			73		
14	Rd1	c6	34	Qf1	Qc5	54			74		
15	Nc2	Bf8	35	Qf2	Qc1	55			75		
16	c5	dc	36	Qf1		56			76		
17	f4		37			57			77		
18	e5	Nd5	38			58			78		
19	Nd5	cd	39			59			79		
20	Qd5	Rc8	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): H. Hunmandunii | SIGNATURE (BLACK): Pan, Yitong | SIGNATURE (ARBITER): Su

扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

10:20 G10-4-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 2026.8.24 | Board: 6

WHITE	Kim, Jungha	FED	KOR	RESULT (W)	0
BLACK	Kikuchi, Saya	FED	JPN	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Rf2	Rd1+	41	Rg3	g5	61		
2	d4	Nf6	22	Rf1	Rd2	42	Re3	g4	62		
3	Nc3	g6	23	Rc1	a5	43	Kg2	Kg5	63		
4	Nf3	Bg7	24	[illegible]	Rd4	44	Re5+	Rf5	64		
5	Be2	0-0	25	g3	a4	45	Re3	h4	65		
6	0-0	e5	26	Kg2	Rc4	46	Rd3	g3	66		
7	dxe5	dxe5	27	Kh3	Rc3	47	Kh3	Rf2	67		
8	Nxe5	Qxd1	28	Ra5	a3	48	Rd5+	f5	68		
9	Rxd1	Re8	29	Ra6	[illegible]Rb2	49	Rd2	Rf3	69		
10	Bf4	Nxe4	30	Rcxc2	R 6xa3	50	Re2	Rf1	70		
11	Nxe4	Bxe4	31	Rxh2+	Kg4	51	[illegible]Kg2	Ra1	71		
12	Bxe4	Rxe4	32	Rcf2	Ra7	52	Rd2	Kg4	72		
13	Rd8+	Kg7	33	h5+	Kg5	53	Rd1	Ra2+	73		
14	Rxc8	Rxe4	34	Rf3	Rg1	54	Kg1	h3	74		
15	Bf3	Rb4	35	Rh3	Rg2	55	Rd4+	f4	75		
16	Rxc7	Nc6	36	Rfxg3+	Rxg3	56	Rd1	h2+	76		
17	Bxc6	bxc6	37	Rxg3+		57	Kh1	Kh3	77		
18	Rxc6	Rxb2	38	Kh4	Rg4+	58	Rd2	Ra1+	78		
19	f4	Rd8	39	Kh3	Rxf4	59	Rd1	Rxd1#	79		
20	Rf1	Rxa2	40	Rc3	Kh6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK): Saya | SIGNATURE (ARBITER): Su

10:20 G10-4-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 2026 8/24 MON | Board: 6

WHITE	Kim, Jungha 1557	FED	KOR	RESULT (W)	0
BLACK	Kikuchi, Saya 1432	FED	JPN	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Rf2	Rd1+	41	Rg3	g5	61		
2	d4	Nf6	22	Rf1	Rd2	42	Re3	g4+	62		
3	Nc3	g6	23	Rc1	a5	43	Kg2	Kg5	63		
4	Nf3	Bg7	24	Ra6	Rd4	44	Re5+	Rf5	64		
5	Be2	0-0	25	g3	a4	45	Re7	h4+	65		
6	0-0	a5	26	Kg2	Rc4	46	Rd3	g3	66		
7	dxe5	dxe5	27	Kh3	Rc3	47	Kh2	Rf2	67		
8	Nxe5	Qxd1	28	Ra5	a3	48	Rd5+	f5	68		
9	Rxd1	Re8	29	Ra6	Rb2	49	Rd2	Rf3	69		
10	Bf4	Nxe4	30	Ra1	Rxc2	50	Re2	Rf1+	70		
11	Nxe4	Bxe5	31	Rb1xa3	Rxh2+	51	Kg2	Ra1	71		
12	Bxe5	Rxe5	32	Kg4	Rb5f2	52	Rd2	Kg4	72		
13	Rd8+	Kg7	33	Ra7	h5+	53	Rd1	Ra2+	73		
14	Rxc8	Rxa4	34	Kg5	Rf3	54	Kg1	h3	74		
15	Bf3	Rb4	35	Rg1	Rh3	55	Rd4+	f4	75		
16	Rxc7	Na6	36	Rg2	Rfxg3+	56	Rd1	h2+	76		
17	Bxc6	bxa6	37	Rxg3	Rxg3+	57	Kh1	Kh3	77		
18	Rxc6	Rxb2	38	Kh4	Rg4+	58	Rd2	Ra1+	78		
19	f4	Rd8	39	Kh3	Rxf4	59	Rd1	Rd1#	79		
20	Rf1	Rxa2	40	Ra3	Kh6	60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK): Saya | SIGNATURE (ARBITER): Su

CS 扫描全能王 3亿人都在用的扫描App

11:05 G10-4-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 4 | Date 2026.8.24 | Board 7

WHITE Wang shi ya	FED CHN	RESULT (W)	1
BLACK Kim Yeonseo	FED KOR	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Bc8	Qc8	41	fe	Kf8	61		
2	d4	d5	22	Qf6	Qd8	42	g6	Kg7	62		
3	ed	ed	23	Qd8	Rd8	43	e7	Kg6	63		
4	Bd3	Nf6	24	Nf3	Kf8	44	e8Q	Kf5	64		
5	h3	Bd6	25	g3	Re8	45	Qh5	Kf6	65		
6	Nf3	0-0	26	Ne5	Ne5	46	Qg5	Kf7	66		
7	0-0	c6	27	Re5	Re5	47	h5	Kf8	67		
8	Bg5	Re8	28	de	Ke7	48	h6	Kg8	68		
9	Nbd2	Nbd7	29	f4	b6	49	h7	Kf7	69		
10	c3	Qc7	30	b4	b5	50	h8=Q	Qa5	70		
11	Bf5	Be7	31	Kf2	Ke6	51	Qg6h6	a4	71		
12	Re1	Qd8	32	g4	hxg6	52	Qh7g7	Ke8	72		
13	Qe2	Bd6	33	h4	d4	53	Qhh8		73		
14	Qd3	Re1	34	Ke2	Kd5	54			74		
15	Re1	Nf8	35	Kd3	a6	55			75		
16	c4	Bb4	36	a3	Ke6	56			76		
17	c5	Bd2	37	Kd4	Ke7	57			77		
18	Nd2	Ng6	38	g5	h5	58			78		
19	Qf3	Qf8	39	f5	Ke8	59			79		
20	Bf6	gf	40	e6	fe	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wang Shi ya | SIGNATURE (BLACK) Kim Yeonseo | SIGNATURE (ARBITER) Su

11:05 G10-4-7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 4 | Date 2026.8.24 | Board 7

WHITE Wang.shiya	FED CHN	RESULT (W)	1
BLACK Kim, Yeonseo	FED KOR 1522	RESULT (B)	0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	e6.	21	Bxc6.	Qxc8.	41	g6.	kg7.	61		
2	d4.	d5.	22	Qf6.	Qd8.	42	e7.	Kxg6.	62		
3	exd5.	exd5.	23	Qxd8.	Rxd8.	43	e8=Q+	Kf5	63		
4	Bd3.	Nf6.	24	Nf3.	Kf8.	44	Qxh5+	Kf6	64		
5	h3.	Bd6.	25	g3.	Re8.	45	Qg5+	Kf7	65		
6	Nf3.	0-0.	26	Ne5.	Nxe5-	46	Qg5	Kf8.	66		
7	0-0.	c6.	27	Rxe5.	Rxe5.	47	h6.	Ke8.	67		
8	Bg5.	Re8.	28	dxe5.	Ke7	48	h7.	Kf7.	68		
9	Nbd2.	Nbd7.	29	f4.	b6.	49	h8=Q	a5.	69		
10	c3.	Qc7.	30	b4.	b5.	50	Qxh6.	a4.	70		
11	Bf5.	Be7.	31	Kf2.	Ke6.	51	Q8g7.	Ke8	71		
12	Re1.	Qd8.	32	g4.	h6.	52	Q6h8#		72		
13	Qe2	Bd6.	33	h4.	d4.	53			73		
14	Qd3.	Rxe1.	34	Ke2.	Kd5.	54			74		
15	Rxe1.	Nf8.	35	a6.	Ke6.	55			75		
16	c4.	Bb4.	36	Kxd4.	Ke7	56			76		
17	c5.	Bxd2.	37	g5.	h5.	57			77		
18	Nxd2.	Ng6.	38	f5.	Ke8.	58			78		
19	Qf3.	Qf8.	39	e6.	fxe6.	59			79		
20	Bxf6.	gxf6.	40	fxe6.	Kf8.	60			80		

SIGNATURE (WHITE) Wang.Shiya | SIGNATURE (BLACK) Kim Yeonseo | SIGNATURE (ARBITER) Su

CS 扫描全能王 3亿人都在用的扫描App

11:18 G10-4-8

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: August 24th | Board: 8

WHITE: Peng, Litan Elena | FED: HKG | RESULT (W): 1
BLACK: Jia, Tian ni | FED: CHN | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Re1	Rxa1	41	Kf6	KxbA	61	Kg3	Kh1
2	d4	d5	22	Qxa1	e5	42	Kxe6	Kc4	62	Qg2#	
3	exd5	cxd5	23	dxe5	Rxe5	43	e4	Kd4	63		
4	Bd3	Nc6	24	Qd1	Rxe1+	44	e5	Ke5	64		
5	c3	Nf6	25	Bxe1	Qf4	45	Kd7	Kd5	65		
6	h3	g6	26	Qe3	Qxe3	46	e6	Kxe5	66		
7	Nf3	Bg7	27	fxe3	Kg7	47	e7	Kf6	67		
8	0-0	0-0	28	Kf2	Kf6	48	e8=Q	Kg5	68		
9	Bf4	Nh5	29	Kf3	Ke5	49	Qe6	Kf4	69		
10	Bh2	e6	30	g4	Bc6	50	Qd5	Kg3	70		
11	Nbd2	Rfe8	31	Kg3	h5	51	Qc4	Kd2	71		
12	Re1	a6	32	gxh5	gxh5	52	Qb3	Kc1	72		
13	Ne5	Nxe5	33	Kh4	Bd7	53	Qa2	Kd1	73		
14	Bxe5	Bxe5	34	Kxh5	Bxh3	54	Qb2	Ke1	74		
15	Rxe5	Nf6	35	Bxb5	Ke4	55	Qc2	Kf1	75		
16	Nb3	b5	36	dxc4	dxc4	56	Qd2	Kg1	76		
17	Nc5	Qc7	37	Bxc4	Be6	57	Qc2	Kh1	77		
18	a4	Nd7	38	Bxe6	fxe6	58	Ke6	Kg1	78		
19	Nxd7	Bxd7	39	b4	Kd5	59	Kf5	Kh1	79		
20	axb5	axb5	40	Kg6	Kc4	60	Kg4	Kg1	80		

SIGNATURE (WHITE): Elena Peng | SIGNATURE (BLACK): J Tn | SIGNATURE (ARBITER): Sn

11:18 G10-4-8

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 2026.8.24 | Board: 8

WHITE: peng, Litan Elena Elena | FED: HKG | RESULT (W): 01
BLACK: Jia, Tian ni | FED: CHN (China) | RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 1:30	c6 1:30	21	Re1 1:22	Rxa1 46'	41	Kf6 1:15	Kxb4 50'	61	Kg3 1:16	Kh1 28'
2	d4 1:31	d5 1:30	22	Qxa1 1:23	e5 46'	42	Kxe6 1:16	Kc4 43'	62	Qg2 1:16#	
3	exd5 1:31	cxd5 1:31	23	dxe5 1:20	Rxe5 46'	43	e4 1:15	Kd4 43'	63		
4	Bd3 1:32	Nc6 1:30	24	Qd1 1:20	Re1 47'	44	e5 1:13	Ke5 38'	64		
5	c3 1:32	Nf6 1:27	25	Qe1 1:20	Qf4 47'	45	Kd7 1:11	Kd5 38'	65		
6	h3 1:32	g6 1:19	26	Qe3 1:20	Qe3 47'	46	e6 1:11	Ke6 38'	66		
7	Nf3 1:31	Bg7 1:15	27	fe1 1:21	Kg7 48'	47	e7 1:12	Kf6 37'	67		
8	0-0 1:30	0-0 1:12	28	Kf2 1:21	Kf6 48'	48	e8=Q 1:12	Kg5 37'	68		
9	Bf4 1:29	Nh5 1:03	29	Kf3 1:20	Ke5 48'	49	Qe6	Kf4 37'	69		
10	Bh2 1:29	e6 59'	30	g4 1:20	Bxc6 49'	50	Qd5 1:13	Ke3 36'	70		
11	Nbd2 1:27	Re8 56'	31	Kg3 1:19	h5 49'	51	Qc4 1:13	Kd2 36'	71		
12	Re1 1:26	a6 49'	32	gh5 1:14	gh5 49'	52	Qb3 1:13	Kc1 36'	72		
13	Ne5 1:25	Ne5 47'	33	Kh4 1:19	Bd7 49'	53	Qa2 1:14	Kd1 36'	73		
14	Be5 1:15	Be5 47'	34	Kh5 1:18	Bh3 49'	54	Qb2 1:14	Ke1 35'	74		
15	Re5 1:15	Nf6 47'	35	Bb5 1:18	Kc4 50'	55	Qc2 1:14	Kf1 36'	75		
16	Nb3 1:16	b5 47'	36	c4 1:16	dc 50'	56	Qd2 1:15	Kg1 33'	76		
17	Nc5 1:14	Qc7 47'	37	Bc4 1:16	Be6 50'	57	Qc2 1:19	Kh1 33'	77		
18	a4 1:14	Nd7 45'	38	Be6 1:15	fe6 50'	58	Ke6 1:15	Kg1 31'	78		
19	Nd7 1:14	Bd7 46'	39	b4 1:15	Kd5 50'	59	Kf5 1:16	Kh1 32'	79		
20	axb5	ab 46'	40	Kg6 1:15	Kc4 50'	60	Kg4	Kg1 30'	80		

白:ab 1:14 | 白:Kg4 1:16

SIGNATURE (WHITE): Elena Peng | SIGNATURE (BLACK): J Tn | SIGNATURE (ARBITER): Sn

CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

11:03 G10-4-9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 2026/8/24 | Board: 9

WHITE: Lee, Chloe Ling En | FED: Singapore | RESULT (W): 1/2
BLACK: Peng, Lixiao Sonia | FED: Hong Kong | RESULT (B): 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qxe4	Qf6	41			61		
2	c4	e6	22	Qe2	e4	42			62		
3	Nf3	b6	23	Rxd8	Rxd8	43			63		
4	Nc3	Bb7	24	Rd1	Rd4	44			64		
5	Bg5	Be7	25	f3	Rxd1+	45			65		
6	e3	Ne4	26	Qxd1	exf3	46			66		
7	Bxe7	Qxe7	27	Qb5+	Qf7	47			67		
8	Nxe4	Bxe4	28	Qa8+	Qf8	48			68		
9	a3	0-0	29	Qb5+	Qf7	49			69		
10	Bd3	f5	30	Qa8+	Qf8	50			70		
11	0-0	d6	31	Qd5+	1/2-1/2	51			71		
12	b4	Nb7	32			52			72		
13	Qe2	Rae8	33			53			73		
14	Nd2	Bxd3	34			54			74		
15	Qxd3	e5	35			55			75		
16	dxe5	dxe5	36			56			76		
17	Rfd1	Nf6	37			57			77		
18	e4	Rd8	38			58			78		
19	Qe2	fxe4	39			59			79		
20	Nxe4	Nxe4	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

11:03 G10-4-9

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 24 Aug | Board: 9

WHITE: Chloe Lee | FED: SGP | RESULT (W): 1/2
BLACK: Peng, Lixiao Sonia | FED: HKG | RESULT (B): 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qxe4	Qf6	41			61		
2	c4	e6	22	Qe2	e4	42			62		
3	Nf3	b6	23	Rxd8	Rxd8	43			63		
4	Nc3	Bb7	24	Rd1	Rd4	44			64		
5	Bg5	Be7	25	f3	Rxd1	45			65		
6	e3	Ne4	26	Qxd1	exf3	46			66		
7	Bxe7	Qxe7	27	Qb5+	Qf7	47			67		
8	Nxe4	Bxe4 (Bxe7)	28	Qa8+	Qf8	48			68		
9	a3	0-0	29	Qb5+	Qf7	49			69		
10	Bd3	f5	30	Qa8+	Qf8	50			70		
11	0-0	d6	31	Qd5+		51			71		
12	b4	Nb7	32			52			72		
13	Qe2	Rae8	33	1/2	- 1/2	53			73		
14	Nd2	Bxd3	34			54			74		
15	Qxd3	e5	35			55			75		
16	dxe5	dxe5	36			56			76		
17	Rfd1	Nf6	37			57			77		
18	e4	Rd8	38			58			78		
19	Qe2	fxe4	39			59			79		
20	Nxe4	Nxe4	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) | SIGNATURE (BLACK) | SIGNATURE (ARBITER)

CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

12:00 G10-4-10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 4 | Date 8.24 | Board 10

WHITE Zhang, Ling-Jie | FED TPE | RESULT (W) 1
BLACK Zhou, Mutong | FED CHN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 1:10	d5 [illegible]	21	Re1 0:59	Qb6 0:46	41	[illegible]	f6 0:37	61	Rg5+ [illegible]	Kb6 [illegible]
2	Bf4 1:31	Bf5 1:29	22	Nd7 0:57	Kxd7 0:47	42	[illegible]	[illegible]	62	Kc4 0:57	Ka6 [illegible]
3	e3 1:41	e6 1:33	23	Bf5+ 0:57	Kc7 0:49	43	[illegible]	Ka6 0:37	63	[illegible]	[illegible]
4	Nd2 1:38	Nd7 1:37	24	Bc8 0:50	Re8 0:11	44	[illegible]	f5 0:29	64	Rf5 0:52	[illegible]
5	Ngf3 1:58	Be7 1:05	25	d5 0:32	[illegible]	45	[illegible]	[illegible]	65	Kd7 0:23	Re6 0:52
6	c4 1:29	Nf6 1:39	26	Rc6 0:32	[illegible]	46	Rd5 0:53	Ke4 0:31	66	[illegible]	[illegible]
7	h3 1:23	h6 1:22	27	Qxc6 0:54	[illegible]	47	Kf5 0:57	[illegible]	67	Kd7 0:37	Ra6 0:47
8	Rc1 1:33	c6 1:08	28	[illegible]	[illegible]	48	Ke5 0:40	Kc4 0:58	68	Kc6 0:40	Re7
9	cxd5 1:32	exd5 1:43	29	Rc1 0:52	Re8 0:46	49	[illegible]	[illegible]	69	[illegible]	Kd7
10	Be2 1:20	Rc8 1:15	30	b3 0:56	[illegible]	50	Ke5 0:39	[illegible]	70	[illegible]	Ke8
11	Qb3 1:16	b5 1:19	31	[illegible]	[illegible]	51	Re4 0:54	[illegible]	71	[illegible]	Kd8
12	0-0 1:15	Rg8 1:16	32	[illegible]	[illegible]	52	f4 0:41	[illegible]	72	Kc6	Ke8
13	Be5 0:48	Nc5 [illegible]	33	Re2 0:43	Ka3 0:41	53	[illegible]	Ka2 0:30	73	Kd6	Kc8
14	Nc5 0:53	Bd7 0:57	34	g4 0:50	g6 0:32	54	f6 1:01	Kb1 1:29	74	Re7	Kd8
15	e4 0:52	a6 0:49	35	Rd3 0:56	Rb2 0:30	55	Re8 [illegible]	[illegible]	75	[illegible]	[illegible]
16	Ne4 0:50	a5 0:47	36	[illegible]	h5 0:38	56	Ke7 1:1	Ke8 0:31	76	[illegible]	[illegible]
17	a4 0:54	ba 0:46	37	g4 0:54	g4 0:30	57	[illegible]	[illegible]	77	[illegible]	[illegible]
18	Qa4 0:56	de 0:43	38	h4 0:52	Rb6 0:30	58	[illegible]	[illegible]	78	[illegible]	[illegible]
19	Nd4 0:48	Ne4 0:43	39	Rh3 0:56	[illegible]	59	[illegible]	Kb7 0:40	79	[illegible]	Kg6
20	Be4 0:51	Bg5 0:46	40	[illegible]	[illegible]	60	Re3 [illegible]	[illegible]	80	[illegible]	[illegible]

SIGNATURE (WHITE) Zhang | SIGNATURE (BLACK) ZMT | SIGNATURE (ARBITER) Su

12:00 G10-4-10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 4 | Date 8/24 | Board 10

WHITE Zhang Jing-Jie | FED TPE | RESULT (W) 1
BLACK Zhou, Mutong | FED CHN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rc2 0:59	Qb6 0:46	41	Rf3 0:57	f6 0:30	61	Rg5 0:40	Kb6 0:47
2	Bf4	Bf5	22	Nxd7 0:53	Kxd7 0:50	42	Rc2 0:55	a4 0:49	62	Kc4 0:55	Ka6 0:44
3	e3	e6	23	Bf5+ 0:53	Kc6 0:50	43	bxa4 0:56	Kxa4 0:49	63	Kb4 0:57	Kb7 0:49
4	Nd2	Nd7	24	Bxc8 0:50	Rxc8 0:39	44	Rf4 0:56	f5 0:28	64	Rg6 0:54	Kb7 0:41
5	Ngf3	Be7	25	d5 0:52	Kd6 0:37	45	Rxd4+ 0:55	Kb5 0:38	65	Kc5 0:51	Kc7 0:43
6	c4	Ngf6	26	Rxc6 0:52	Rxc6 0:37	46	Rd5 0:57	Kc4 0:38	66	Ra6 0:54	Kc8
7	h3	h6	27	Qxc6 0:57	Qxc6 0:47	47	Rxb5 0:57	Kd4 0:37	67	Rh6	Kd7
8	Rc1	c6	28	dxc6 0:57	Kxc6 0:39	48	Rxh5 0:49	Ke4 0:39	68	Ra6	Ke8
9	cxd5	cxd5	29	Re1 0:58	Bf6 0:36	49	Kd2 0:50	Kf3 0:38	69	Rh7	Kb8
10	Be2	Rc8	30	b3 0:53	b8 Kd5	50	Rf5 0:59	Kg4 0:55	70	Rh7	Ka8
11	Qb3	b5	31	Kf1 0:53	Kb4 0:55	51	Rf8 0:57	Kxh4 0:54	71	Rg7	Kb8
12	0-0	Rg8	32	Re3 0:53	Bd4 0:54	52	f4 0:00	Kg4 0:48	72	Rf7	Kc8
13	Be5	Nxe5	33	Rf3 0:53	Ka3 0:33	53	f5 0:00	Kg5 0:49	73	Ka6	Kb8
14	Nxe5	Bd7	34	g4 0:57	g6 0:32	54	f6 0:00	Kg6 0:47	74	Rh7	Ka8
15	e4	a6	35	Rd3 0:54	Qb2 0:30	55	Ra8 0:51	Kxf6 0:49	75	Rg7	Kb8
16	Bf3	a5	36	Ke2 0:54	h5 0:30	56	Ra5 0:51	Ke6 0:49	76	Kb6	Ka8
17	a4	bxa4	37	gxh5 0:53	gxh5 0:30	57	Rxa3 0:52	Ke6 0:49	77	Ka6	Kb8
18	Qxa4	dxe4	38	h4 0:55	Bxf6 0:30	58	Ke4 0:52	Ke6 0:49	78	Ka5	Ka8
19	Nxe4	Nxe4	39	Rh3 0:55	Kb4 0:49	59	Kd4 0:53	Kb6 0:49	79	Rg8+	Ka7
20	Bxe4	Bg5	40	Kd2 0:55	Bd4 0:49	60	Rh5 0:53	Kc6 0:49	80	Rg6	Ka8

SIGNATURE (WHITE) Zhang | SIGNATURE (BLACK) ZMT | SIGNATURE (ARBITER) Su

12:00 G10-4-10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 4 | Date 8/24 | Board 10

WHITE Zhang Jing-Jie | FED TPE | RESULT (W) 1
BLACK Zhou, Mutong | FED CHN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ka6	Kb8	21			41			61		
2	Rg7	Kc8	22			42			62		
3	Kb6	Kb8	23			43			63		
4	Rg8#		24			44			64		
5			25			45			65		
6			26			46			66		
7			27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Zhang | SIGNATURE (BLACK) ZMT | SIGNATURE (ARBITER) Su

12:00 G10-4-10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group G10 | Round 4 | Date 8/24 | Board 10

WHITE Zhang, Ling-Lee | FED TPE | RESULT (W) 1
BLACK Zhou, Mutong | FED CHN | RESULT (B) 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ka6	Kb8	21			41			61		
2	Rg7	Kc8	22			42			62		
3	Kb6	Kb8	23			43			63		
4	Rg8#		24			44			64		
5			25			45			65		
6			26			46			66		
7			27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Zhang | SIGNATURE (BLACK) ZMT | SIGNATURE (ARBITER) Su

CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

10:45 G10-4-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: a10 | Round: 4 | Date: 8.24 | Board: 11

WHITE: wu, yi xuan | FED: CHN | RESULT (W): 0.5
BLACK: wang, jing | FED: CHN | RESULT (B): 0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 1:30	Nf6 1:30	21	Ra1 48'	c6 1:18	41			61		
2	c4 1:30	g6 1:31	22	Bf3 44'	~~Nf6~~ Ng6 1:33	42			62		
3	Nc3 1:30	Bg7 1:31	23	a4 42'	Rc8 1:11	43			63		
4	Nf3 1:29	d6 1:32	24	Qb3 35'	Nc5 1:09	44			64		
5	e4 1:29	0-0 1:32	25	Qb4 26'		45			65		
6	Be2 1:27	Nbd7 1:32	26			46			66		
7	h3 1:22	b6 1:32	27			47			67		
8	Be3 1:21	Bb7 1:31	28			48			68		
9	Qc2 1:19	Rc8 1:29	29			49			69		
10	a3 1:15	c5 1:29	30			50			70		
11	d5 1:12	Re8 1:28	31			51			71		
12	0-0 1:10	Nf8 1:25	32			52			72		
13	b4 1:07	Nfd7 1:24	33			53			73		
14	Ra1 1:01	c6 1:23	34			54			74		
15	de 1:00	Reb 1:24	35			55			75		
16	Nd5 58'	~~Re8~~ Reb 1:39	36			56			76		
17	Nb5 55'	Bc4 1:20	37			57			77		
18	Ne4 53'	Ne4 1:21	38			58			78		
19	Na7 52'	Ra8 1:20	39			59			79		
20	Nb5 0:18	Ba1 0:18	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): wu yi xuan
SIGNATURE (BLACK): Wang Jin (Heb)
SIGNATURE (ARBITER): Su

10:45 G10-4-11

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group: G10 | Round: 4 | Date: 8.24 | Board: 11

WHITE: Wu, Yixuan | FED: CHN | RESULT (W): 1/2
BLACK: Wang Jin | FED: CHN | RESULT (B): 1/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	~~Ba3~~ Ba1	c6	41			61		
2	c4	g6	22	Bf3	Nxf6	42			62		
3	Nc3	Bg7	23	g4	Rc8	43			63		
4	Nf3	d6	24	Qb3	Nc5	44			64		
5	e4	0-0	25	Qb4		45			65		
6	Be2	Nbd7	26			46			66		
7	h3	b6	27			47			67		
8	Be3	Bb7	28			48			68		
9	Qc2	Re8	29			49			69		
10	a3	c5	30			50			70		
11	d5	Re8	31			51			71		
12	0-0	Nf8	32			52			72		
13	b4	Nfd7	33			53			73		
14	Re1	e6	34			54			74		
15	de	Re6	35			55			75		
16	Wa5	Ra8	36			56			76		
17	Nb5	Be4	37			57			77		
18	Ne4	Ne4	38			58			78		
19	~~Na7~~	Ra8	39			59			79		
20	Nb5	Ba1	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE): ~~Wu~~ wu yi xuan
SIGNATURE (BLACK): ~~Wang~~ Wang Jin
SIGNATURE (ARBITER): Su

扫描全能王 3亿人都在用的扫描App